# Biểu B2-TMDNCNC

1. Phụ lục VI Nghị đinh số 133/2025/NĐ-CP

**THUYẾT MINH DOANH NGHIỆP ĐÁP ỨNG CÁC TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. Thông tin chung** | | | | | | | | |
| **1** | **Tên doanh nghiệp:** | | | | | | | |
|  | | | | | | | | |
| **2** | **Các sản phẩm chính:** | | | | | | | |
|  | | | | | | | | |
| **3** | **Trụ sở đăng ký, điện thoại, fax:** | | | | | | | |
|  | | | | | | | | |
| **4** | **Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận kinh doanh, Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ:** | | | | | | | |
|  | | | | | | | | |
| **5** | **Hình thức đầu tư:** | | | | | | | |
| Bên Việt Nam (tên công ty)  Bên nước ngoài (tên công ty) | | | | | | | | |
| **6** | **Thông tin doanh nghiệp** | | | | | | | |
| **6.1. Mặt bằng địa điểm xây dựng hiện nay**   * Địa chỉ: * Diện tích sử dụng:   **6.2. Thời hạn được phép hoạt động của doanh nghiệp**  **6.3. Thời điểm chính thức sản xuất**  **6.4. Mục tiêu và phạm vi hoạt động chính của doanh nghiệp**  **6.5. Tổng vốn đầu tư** ......................................VN đồng/  ………………………...USD,  trong đó:   * Vốn cố định:………………………VN đồng/   …………………….USD, bao gồm  + Nhà xưởng………..m2, trị giá……………….VN đồng/USD  + Văn phòng…………m2, trị giá………………VN đồng/USD  + Trang thiết bị công nghệ……….trị giá………………. VN đồng/USD  + Giá trị công nghệ được đưa vào vốn cố định…………….. VN đồng/USD   * Vốn cố định khác…………………..VN đồng/USD * Vốn pháp định………………..VN đồng/USD   + Bên Việt Nam………….%, là……….USD  Gồm: - Tiền, tương đương…………USD  - Tài sản khác, tương đương……USD  + Bên nước ngoài………..%, là………..USD  Gồm: - Tiền, tương đương………..USD  - Tài sản khác……………..USD | | | | | | | | |
| **7** | **Các tổ chức hợp tác với doanh nghiệp để sản xuất sản phẩm công nghệ cao** | | | | | | | |
| TT | Tên tổ chức | | Địa chỉ | | | | Ghi chú | |
| 1 |  | |  | | | |  | |
| **8** | **Tổng quan tình hình nghiên cứu, ứng dụng, phát triển, làm chủ công nghệ và sản xuất sản phẩm của các doanh nghiệp ở trong và ngoài nước** (thể hiện rõ quan điểm của doanh nghiệp về vai trò quan trọng sản phẩm tạo ra đóng góp cho sự phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam) | | | | | | | |
| 8.1. Ngoài nước:  8.2. Trong nước: | | | | | | | | |
| **II. Mục tiêu, nội dung chủ yếu** | | | | | | | | |
| **9** | **Mục tiêu, định hướng và kế hoạch phát triển sản phẩm của doanh nghiệp** | | | | | | | |
| 9.1. Phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội(giải quyết những mục tiêu, vấn đề cụ thể gì phục vụ chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của đất nước, của địa phương,... )  9.2. Phù hợp với tiềm lực khoa học và công nghệ Việt Nam (ứng dụng, phát triển, giải mã, làm chủ những công nghệ sản xuất sản phẩm gì? Sản phẩm tạo ra đạt trình độ nào so với trong khu vực và quốc tế,...) | | | | | | | | |
| **10** | **Nội dung thuyết minh doanh nghiệp công nghệ cao (giải trình việc đáp ứng tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao theo quy định pháp luật hiện hành)** | | | | | | | |
| * Tiêu chí 1 * Tiêu chí 2 * **Giải trình dây chuyền công nghệ**: các thiết bị chính trong dây chuyền công nghệ sản xuất sản phẩm (xuất xứ của thiết bị; ký mã hiệu, các đặc tính, tính năng kỹ thuật của thiết bị; công suất của thiết bị; năm chế tạo của thiết bị; tình trạng thiết bị; thời gian bảo hành). Tính đồng bộ của thiết bị trong dây chuyền công nghệ.   **Những vấn đề khác có liên quan (nếu có):**   * Sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu, linh kiện, phụ tùng (xem xét khả năng khai thác, cung ứng, vận chuyển, lưu giữ nguyên vật liệu để cung cấp cho dự án; xem xét chủng loại, khối lượng, giá trị các loại linh kiện, phụ tùng hoặc bán thành phẩm phải nhập ngoại để gia công, lắp ráp, sản xuất ra sản phẩm; xem xét chủng loại, khối lượng, giá trị nguyên, nhiên, vật liệu phải nhập ngoại, khả năng sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu tại địa phương và trong nước, khả năng sử dụng nguyên liệu ít gây ô nhiễm môi trường). * Năng lực chuyên môn, năng lực tài chính (khả năng huy động vốn, hoàn vốn, trả nợ...) của doanh nghiệp. * Hiệu quả của sản phẩm công nghệ cao đối với kinh tế - xã hội (sản phẩm mới, mở rộng thị trường hoặc thị trường mới, tạo việc làm cho người lao động, đóng góp cho ngân sách nhà nước, lợi ích kinh tế của chủ dự án,...), đối với địa phương, ngành (nâng cao chất lượng sản phẩm, góp phần làm gia tăng giá trị sản phẩm, tạo ra sản phẩm chủ lực, sản phẩm có thế mạnh của địa phương,...). * Lao động và đào tạo. * An toàn và vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ. * ……… | | | | | | | | |
| **III. Sản phẩm công nghệ cao** | | | | | | | | |
| **11** | **Yêu cầu kỹ thuật, chỉ tiêu chất lượng đối với sản phẩm tạo ra** | | | | | | | |
| STT | Tên sản phẩm  và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu | Đơn vị đo | | Mức chất lượng | | | | Dự kiến số lượng  sản phẩm tạo ra |
| Cần đạt | Mẫu tương tự | | |
| Trong nước | Thế giới | |
| 1 |  |  | |  |  |  | |  |
| **12** | **Đóng góp của doanh nghiệp công nghệ cao** | | | | | | | |
| * Đối với khoa học và công nghệ * Đối với kinh tế - xã hội | | | | | | | | |

................, ngày tháng năm 20....

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | **Đại diện doanh nghiệp** |
|  |  | (Ký tên, họ và tên) |